

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi GCNQSD đất (cũ), cấp đổi GCNQSD đất,  
quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho DNTN Thuận Lợi.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 625/TTr-STNMT ngày 25/10/2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Thu hồi GCNQSD đất số vào sổ CT 01621 ngày 02/7/2010 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho DNTN Thuận Lợi.

Lý do thu hồi: DNTN Thuận Lợi đề nghị cấp đổi GCNQSD đất và bổ sung tài sản gắn liền với đất.

2. Cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất với diện tích: **33.120,7 m<sup>2</sup>** (ba mươi ba nghìn một trăm hai mươi phẩy bảy mét vuông) cho DNTN Thuận Lợi, cụ thể như sau:

- Khu đất tọa lạc tại: xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;
- Mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn sử dụng:
  - + 32.720,7 m<sup>2</sup>: đến ngày 17/01/2056;
  - + 400,0 m<sup>2</sup>: lâu dài.
- Nguồn gốc đất: thuộc đất DNTN Thuận Lợi, đã được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ CT 01621 ngày 02/7/2010;
- Tài sản gắn liền với đất: (có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Sau khi có Quyết định cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, DNTN Thuận Lợi có trách nhiệm:

- Chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng đất;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định, đồng thời đến UBND xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú để đăng ký biến động sử dụng đất.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi, Chủ DNTN Thuận Lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV: P. SX (T406);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Bùi Văn Danh*  
**Bùi Văn Danh**





**DANH MỤC TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT ĐƯỢC CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỞ HỮU CHO DNTN THUẬN LỢI**

(Kèm theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 28 / 10 / 2010 của UBND tỉnh Bình Phước)

TT	Hàng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành XD
1	Nhà xưởng	4.071,88	4.071,88	Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; vách tole; mái lợp tole; nền bê tông.	IV	01	-
2	Nhà ở công nhân	351,90	351,90	Tường xây gạch; mái lợp tole; nền lát gạch ceramic.	IV	01	-
3	Nhà văn phòng	90,00	90,00	Tường xây gạch; mái lợp tole; nền lát gạch ceramic.	IV	01	-
4	Nhà ăn	211,12	211,12	Tường xây gạch; mái lợp tole; nền lát gạch tàu.	IV	01	-
5	Trạm cân	75,96	75,96	Móng bê tông cốt thép; bàn cân bằng thép.	-	-	-
6	Bể nước	117,53	117,53	Đáy bể bằng bê tông; thành bể xây gạch.	-	-	-
7	Nhà vệ sinh	12,78	12,78	Tường xây gạch; mái lợp tole; nền xi măng.	IV	01	-
8	Nhà tiếp nhận mù	896,25	896,25	Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; vách tole; mái lợp tole; nền bê tông.	IV	01	-
9	Kho thành phẩm I	792,00	792,00	Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; vách tole; mái lợp tole; nền bê tông	IV	01	-
10	Kho lưu trữ mù tạp	253,46	253,46	Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; vách tole; mái lợp tole; nền bê tông	IV	01	-
11	Bể gạn mù	452,00	452,00	Đáy bể bằng bê tông; thành bể xây gạch.	-	-	-